TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29/6/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Lâm
2. Bà Lưu Thị Sen.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện **E**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E *tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29/6/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **E** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2018 về việc*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX-ST ngày 15/6/2018 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Kiều Phương A –** Sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B** - sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị **A**, anh **B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:
*Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 16/3/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Kiều Phương **A** trình bày*:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn **B** kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 27/11/2008.

Qúa trình vợ chồng chung sống hòa thuận được 04 năm và sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **B** ghen tuông vô cớ, luôn kiểm soát cuộc sống của chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi cọ nhau;

anh **B** đã hành hung, chửi bới chị **f**ều lần khiến chị không thể chịu đựng nổi. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên từ tháng 03/2018 đến nay chị đã về bên ngoại sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn ai quan tâm và có trách **f**ệm đến ai, Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải **f**ều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn **B**.

Về con chung: Chị và anh **B** có 02 con chung: cháu Nguyễn Yến **F** – Sinh ngày 09/09/2009 và cháu Nguyễn Minh **G** – Sinh ngày 09/5/2014. Ly hôn nguyện vọng của chị xin đ- ợc trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh **B** cấp d- ỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn **B** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn; nguyên nhân mâu thuẫn là do chị **A** nhắn tin cho bạn trai và còn gửi cho nhau những ảnh không cần thiết, anh đã bắt được nhiều lần và có khuyên ngăn nhưng chị **A** vẫn tiếp tục, nên dẫn đến vợ chồng cãi cọ và xích mích nhau. Đến đầu 2018 anh tiếp tục thấy chị **A** nhắn tin cho người khác, nội dung tin nhắn khiến anh đau lòng và không kiểm soát được dẫn đến mất đoàn kết. Khi xảy ra mâu thuẫn bố mẹ hai bên đã dàn xếp, khuyên bảo nhưng không có kết quả; mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay.

Nay chị **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của các cháu. Ly hôn, nguyện vọng của anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G**, để cháu **F** cho chi **A** trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng thôn **C**,* xã **D** *cung cấp như sau*: Anh Nguyễn Văn **B** và chị Kiều Phương **A** kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **B** có nghi ngờ chị **A** ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến việc anh **B** thường xuyên chửi bới, đánh đập chị **A**. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị

phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của các cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kiều Phương **A**.

Tại phiên toà hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm xin đ- ợc ly hôn anh **B**, anh **B** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Chị Kiều Phương **A** và anh Nguyễn Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị **A** cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận được 04 năm và sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **B** ghen tuông vô cớ, luôn kiểm soát cuộc sống của chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi cọ nhau; anh **B** đã hành hung, chửi bới chị **f**ều lần khiến chị không thể chịu đựng nổi. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên từ tháng 03/2018 đến nay chị đã về bên ngoại sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân; anh **B** cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị **A** nhắn tin cho bạn trai và còn gửi cho nhau những ảnh không cần thiết, anh đã bắt được nhiều lần và có khuyên ngăn nhưng chị **A** vẫn tiếp tục, nên dẫn đến vợ chồng cãi cọ và xích mích nhau. Đến đầu 2018 anh tiếp tục thấy chị **A** nhắn tin cho người khác, nội dung tin nhắn khiến anh đau lòng và không kiểm soát được dẫn đến mất đoàn kết. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị **A** yêu cầu được ly hôn, anh **B** mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng anh đã không tích cực trong việc tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn, không có hành động gì để thể hiện mong muốn đoàn tụ của mình.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ- ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kiều Phương **A**. Xử cho chị Kiều Phương **A** đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Văn **B** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Chị **A**, anh **B** có 02 con chung: cháu Nguyễn Yến **F** – Sinh ngày 09/09/2009 và cháu Nguyễn Minh **G** – Sinh ngày 09/5/2014. Ly hôn nguyện vọng của chị xin đ- ợc trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh **B** cấp d- ỡng tiền nuôi con chung. Anh **B** có nguyện vọng nuôi cháu **G**, để cháu **F** cho chị **A** nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay chị **A** đang làm nghề trang điểm cô dâu áo cưới với mức thu nhập ổn định từ 10.000.000đ/tháng, anh **B** làm nghề thợ rèn với thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000đ. Như vậy, việc giao cháu **F** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **G** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của cháu **F** và quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Chị **A**, anh **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Chị Kiều Phương **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Kiều Phương **A** được ly hôn với anh Nguyễn Văn **B**.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Yến **F** – Sinh ngày 09/09/2009 và cháu Nguyễn Minh **G** – Sinh ngày 09/5/2014 là con chung của chị Kiều Phương **A** và anh Nguyễn Văn **B**. Giao cháu **F** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **G** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **B**, chị **A** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về án phí: Chị Kiều Phương **A** phải chịu 300.000đ án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0004006 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, chị **A** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- THA huyện **E**;
- UBND xã **D**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Lâm